TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 4 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Điền

2. Bà Vũ Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017, về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Li, sinh năm 1984; địa chỉ: Đài Loan.

(Chị G có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Li vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị và anh Li tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/6/2015. Sau khi kết hôn đến tháng 01/2016, anh Li làm thủ tục bảo lãnh chị sang Đài Loan sống chung khoảng 01 tháng thì chị G quay trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay, do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và bất đồng ngôn ngữ. Từ khi chị G về Việt Nam, chị và anh Li không còn

liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nay, chị G yêu cầu được ly hôn với anh Li. Về con chung, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Li, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh Li trả lời các câu hỏi của Tò án về những vấn đề có liên quan đến uan hệ hôn nhân,con chung, tài sản chung giữa anh và chị G, nhưng cho đến nay anh Li không trả lời nhưng câu hỏi theo yêu cầu của Tòa án. Theo quy định của pháp luật Việt Nam yêu cầu xn ly hôn của chị G vẫn được tiến hành giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị G đối với anh Li.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu tranh luận của đương sự, Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Li có quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) và đang cư trú tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia phiên họp hòa giải,xét xử đối với anh Li theo quy định của pháp luật nhưng anh Li cũng không về Việt Nam tham gia phiên họp hòa giải phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Li. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị G.

[3] Xét yêu của chị G, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị G và anh Li tự nguyện đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị G và anh Li là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Li có làm thủ tuch bảo lãnh chị G sang Đài Loan chnung sống. Nhưng chỉ chung sống khoảng 01 tháng, thì chị G về Việt Nam cho đến nay. Xét thấy, giữa chị G và anh Li chung sống với nhau thời gian ngắn nên tình cả vợ chồng không gắn bó; không còn liên lạc với nhau trong khoảng thời gian dài, khả năng vợ chồng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh Li.

[4] Trong quá trình chung sống chị G xác định vợ chồng không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, lệ phí thực hiện ủy thác tư pháp chị Nguyễn Thị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Li.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Li.

2. Về con chung không yêu cầu nên không xem xét

3. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, lệ phí:

4.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị G phải chịu, chị G đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009534 ngày 23

tháng 5 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4.2 Lệ phí ủy thác tư pháp chị Nguyễn Thị G phải chịu 200.000 đồng, chị G đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000639 ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

5. Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đượn niêm yết; anh Li có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt